ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:28/2007/QĐ-UBND	*Đông Hà, ngày 25 tháng 12 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Giao kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu và vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2008

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2008; Quyết định số 187/QĐ-BKH ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2007/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2007 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 11 về việc Thông qua kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2008 và phê duyệt danh mục công trình trọng điểm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu và vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2008 cho các chương trình, dự án như các biểu đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo hạng mục công trình và cơ cấu vốn đầu tư cho các chương trình, dự án được bố trí kế hoạch; Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng liên quan và UBND các huyện, thị xã hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức thực hiện quyết định này theo đúng quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các chủ đầu tư có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

BỐ TRÍ KẾ HOẠCH NĂM 2008
NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
CHƯƠNG TRÌNH 135, CHƯƠNG TRÌNH 5 TRIỆU HA RỪNG
(Kèm theo Quyết định số:28/2007/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên chương trình mục tiêu	Chủ đầu tư	KH năm 2008			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				ĐTPT	SN	
	TỔNG SỐ		**119.644**	**52.570**	**67.074**	
A	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**		**81.465**	**18.400**	**63.065**	
I	**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO**		**10.439**	**8.400**	**2.039**	
1	Chương trình 257 (DA hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo)		8.400	8.400		
	- Huyện Hải Lăng (2 xã: Hải An, Hải Khê)	UBND huyện Hải Lăng	1.400	1.400		
	- Huyện Triệu Phong (3 xã: Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng)	UBND huyện Triệu Phong	2.100	2.100		
	- Huyện Vĩnh Linh (4 xã: Vĩnh Thái, Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch, Vĩnh Quang)	UBND huyện Vĩnh Linh	2.800	2.800		
	- Huyện Gio Linh (3 xã: Trung Giang, Gio Hải, Gio Việt)	UBND huyện Gio Linh	2.100	2.100		
2	Dự án hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, khuyến nông- lâm- ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất		1.000		1000	
	- Khuyến nông- khuyến lâm	TTKN-KL tỉnh	300		300	
	- Hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề	Sở NN&PTNT	700		700	
3	Dự án dạy nghề cho người nghèo	Sở LĐ-TB&XH	580		580	
4	Dự án nâng cao năng lực giảm nghèo	Sở LĐ-TB&XH	277		277	
5	Trợ giúp pháp lý	TT Trợ giúp pháp lý nhà nước	120		120	
6	Hoạt động giám sát đánh giá	Sở LĐ-TB&XH	62		62	
II	**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VIỆC LÀM**		**1.820**	**1.500**	**320**	

1	DA. Hỗ trợ phát triển thị trường lao động		1.700	1.500	200	
	- Xây dựng Sàn Giao dịch việc làm và Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực lao động	Trung tâm giới thiệu việc làm	1.500	1.500		
	- Đào tạo nguồn nhân lực lao động	Trung tâm giới thiệu việc làm	200		200	
2	Hoạt động nâng cao năng lực quản lý lao động việc làm	Sở LĐ-TB&XH	70		70	
3	Hoạt động giám sát đánh giá	Các ngành liên quan	50		50	
III	**CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG MA TÚY**	Công an tỉnh	**800**		**800**	
IV	**CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM**	Công an tỉnh	**670**		**670**	
V	**CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ- KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH**		**4.342**		**4.342**	
1	DA. Truyền thông- Giáo dục thay đổi hành vi	UBDS GĐ&TE tỉnh	1.000		1.000	
2	DA. Tăng cường chiến dịch lồng ghép tuyên truyền, vận động, tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS/ KHHGĐ cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa	UBDS GĐ&TE tỉnh	457		457	
3	DA. Chăm sóc sức khỏe sinh sản/ Kế hoạch hóa gia đình	UBDS GĐ&TE tỉnh	790		790	
4	DA. Nâng cao năng lực quản lý	UBDS GĐ&TE tỉnh	1.580		1.580	
5	DA. Nâng cao chất lượng thông tin chuyên ngành	UBDS GĐ&TE tỉnh	350		350	
6	DA. Nâng cao chất lượng dân số	UBDS GĐ&TE tỉnh	165		165	
VI	**CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH XÃ HỘI, BỆNH DỊCH NGUY HIỂM VÀ HIV/AIDS**		**3.300**		**3.300**	
1	DA. Phòng, chống sốt rét	Sở Y tế	417		417	
2	DA. Phòng, chống phong	Sở Y tế	115		115	
3	DA. Phòng, chống lao	Sở Y tế	232		232	
4	DA. Tiêm chủng mở rộng	Sở Y tế	250		250	
5	DA. Phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em	Sở Y tế	1.050		1.050	
6	DA. Sức khỏe tâm thần cộng đồng	Sở Y tế	460		460	
7	DA. Phòng, chống HIV/AIDS	Sở Y tế	716		716	

8	Quân dân y kết hợp	Sở Y tế	60		60	
VII	**CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA**		**6.920**	**4.000**	**2.920**	
1	DA. Chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử		5.100	4.000	1.100	
	- Khu Di tích trụ sở Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam	TT Bảo tồn DT&DT	1.500	1.500		
	- Cầu treo Bến Tắt	TT Bảo tồn DT&DT	2.500	2.500		
	- Bảo tồn các điểm di tích lịch sử		1.100		1.100	
	- Đình làng Hà Thượng, Gio Linh	UBND huyện Gio linh	300		300	
	- Đình làng Nghĩa An, TX Đông Hà	UBND huyện Đông Hà	200		200	
	- Đình làng Cầu Nhi, huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	600		600	
2	DA. Sưu tầm, bảo tồn và phát triển giá trị các di sản văn hoá phi vật thể của các dân tộc	Sở VH-TT	150		150	
3	DA. Xây dựng xã điển hình triển khai hiệu quả phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá	Sở VH-TT	240		240	
4	DA. Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hoá thông tin cơ sở vùng sâu, vùng xa	Sở VH-TT	490		490	
5	DA. Củng cố và phát triển hệ thống thư viện cộng đồng	Sở VH-TT	230		230	
6	DA. Cấp các trang thiết bị và sản phẩm VHTT cho đồng bào dân tộc thiểu số, tuyến biên giới và hải đảo	Sở VH-TT	10		10	
7	DA. Nâng cao năng lực phổ biến phim; đào tạo nâng cao trình độ sử dụng công nghệ hiện đại trong sản phẩm và phổ biến phim ở vùng sâu, vùng xa	TT Phát hành phim và chiếu bóng Quảng Trị	700		700	Cấp bằng hiện vật
VIII	**CHƯƠNG TRÌNH VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM**	Sở Y tế	**704**		**704**	
1	DA. Nâng cao quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	239		239	
2	DA. Thông tin giáo dục truyền thông bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	160		160	

3	DA. Tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua đường thực phẩm	Sở Y tế	175		175	
4	DA đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng	Sở Y tế	70		70	
5	DA. đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thức ăn đường phố	Sở Y tế	60		60	
IX	**CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**	TT nước SH &VSMTNT	**4.850**	**4.500**	**350**	
1	Huyện Triệu Phong	TT nước SH &VSMTNT	722,717	722,717		
	- Hệ thống cấp nước Triệu Trung	TT nước SH &VSMTNT	81,605	81,605		HT
	- Hệ thống cấp nước Triệu Giang	TT nước SH &VSMTNT	641,112	641,112		HT
2	Huyện Hải Lăng	TT nước SH &VSMTNT	1.145,462	1.145,462		
	- Hệ thống cấp nước Văn Trị (Hải Tân)	TT nước SH &VSMTNT	511,013	511,013		HT
	- Hệ thống cấp nước thôn Trung Đơn, xã Hải Thành	TT nước SH &VSMTNT	34,449	34,449		HT
	- Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Văn Vận, xã Hải Quy	TT nước SH &VSMTNT	600	600		
3	Huyện Vĩnh Linh	TT nước SH &VSMTNT	779,846	779,846		
	- Hệ thống cấp nước Lê Xá, Vĩnh Sơn	TT nước SH &VSMTNT	179,846	179,846		HT
	- Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Hiền Lương, xã Vĩnh Thành	TT nước SH &VSMTNT	600	600		
4	Huyện Gio Linh	TT nước SH &VSMTNT	1.148,838	1.148,838		
	- Hệ thống cấp nước Hải Thái	TT nước SH &VSMTNT	548,838	548,838		HT
	- Hệ thống cấp nước SH thôn Xuân Hòa, Hải Chữ, Trung Hải	TT nước SH &VSMTNT	600	600		
5	Huyện Cam Lộ	TT nước SH &VSMTNT	600	600		

	- Hệ thống cấp nước sinh hoạt một trong ba thôn thuộc xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	TT nước SH &VSMTNT	600	600		
6	Chuẩn bị đầu tư	TT nước SH &VSMTNT	83,137	83,137		
7	Hỗ trợ giếng khoan Hội Người mù	TT nước SH &VSMTNT	20	20		
8	Các mô hình hố xí hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh và tập huấn sử dụng CT nước	TT nước SH &VSMTNT	350		350	
X	**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO**		**47.620**	**0**	**47.620**	
1	DA. Đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa	Sở GD&ĐT	4.280		4.280	
2	DA. Củng cố và phát huy kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục THCS	Sở GD&ĐT	2.500		2.500	
3	DA. Đào tạo cán bộ tin học và đưa tin học vào nhà trường	Sở GD&ĐT	2.300		2.300	
4	DA. Đào tạo bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất các trường Sư phạm	Trường CĐSP Quảng Trị	7.500		7.500	
5	DA. Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc ít người và vùng có nhiều khó khăn	Sở GDĐT	11.000		11.000	
6	DA. Tăng cường cơ sở vật chất các trường học, các Trung tâm KTTH- HN, xây dựng một số trường trọng điểm	Sở GD&ĐT	10.000		10.000	
7	DA. Tăng cường năng lực đào tạo nghề	Sở LĐ-TB&XH	10.040		10.040	
	- Năng lực đào tạo nghề		8.040		8.040	
	- Dạy nghề cho nông dân, người tàn tật		2.000		2.000	
B	**CHƯƠNG TRÌNH 135**		**24.259**	**20.250**	4.009	
1	**Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng**		**18.900**	**18.900**		
	- Huyện Gio Linh (2 xã)	UBND huyện Gio Linh	1.400	1.400		
	- Huyện Vĩnh Linh (2 xã)	UBND huyện Vĩnh Linh	1.400	1.400		
	- Huyện Hướng Hóa (13 xã)	UBND huyện Hướng Hoá	9.100	9.100		
	- Huyện Đakrông (10 xã)	UBND huyện Đakrông	7.000	7.000		
2	**Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất**		**3.510**	**1.350**	**2.160**	
	- Huyện Gio Linh (2 xã)	UBND huyện Gio Linh	260	100	160	

	- Huyện Vĩnh Linh (2 xã)	UBND huyện Vĩnh Linh	260	100	160	
	- Huyện Hướng Hóa (13 xã)	UBND huyện Hướng Hoá	1.690	650	1.040	
	- Huyện Đakrông (10 xã)	UBND huyện Đakrông	1.300	500	800	
3	**Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở và cộng đồng**	Ban Dân tộc	**1.620**		1.620	
4	**Dự án hỗ trợ các dịch vụ cải thiện và trợ giúp pháp lý**	UBND các huyện	**108**		108	Có QĐ riêng
5	**Hỗ trợ kinh phí quản lý Chương trình 135**	BCĐ tỉnh	**121**		121	
C	**TRỒNG MỚI 5 TRIỆU HA RỪNG**	Các BQL DA trồng mới 5 triệu ha rừng	**13.920**	**13.920**		Có QĐ riêng

Ghi chú:

"Biểu 1: Bố trí nguồn vốn đầu tư XDCB từ ngân sách Trung ương hỗ trợ kế hoạch năm 2008". Đã có tại Nghị quyết số 32/2007/NQ-HĐND ngày 15/12/2007 về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB năm 2008 và danh mục công trình trọng điểm của tỉnh từ trang số 38 đến trang số 45.